

Số: 294/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Thiệu Văn Kết Em.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 394/2025/TLST-VLĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 246/2025/QĐST-LĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1987; nơi thường trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: 119/KDC2 khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà H P, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Công ty TNHH N; địa chỉ: Khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội Cơ sở Bình Dương - Thành phố H; địa chỉ: A khu B đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Năm 2009, bà Nguyễn Thị D làm việc và tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH G, địa chỉ: Lô B, Khu công nghiệp L, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Q, tỉnh Thanh Hóa) với thời gian là 01 (một) năm rồi bà Nguyễn Thị D nghỉ việc tại công ty này. Đến ngày 17/9/2010, bà Nguyễn Thị D tham gia bảo hiểm và làm việc tại

Công ty TNHH H1, địa chỉ: Khu S, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), đến ngày 17/5/2024 thì xin nghỉ việc (Thời gian tham gia bảo hiểm là 13 năm 08 tháng). Đến tháng 03/2025, bà Nguyễn Thị D liên hệ Bảo hiểm xã hội tỉnh B để thực hiện thủ tục hưởng bảo hiểm một lần thì Bảo hiểm xã hội trả lời rằng "Quá trình tham gia bảo hiểm của bà Nguyễn Thị D tại Công ty TNHH G bị trùng 05 tháng (Từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010) do Công ty TNHH N, địa chỉ: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị D từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010 nên Bảo hiểm xã hội tỉnh B không giải quyết cho bà Nguyễn Thị D.

Từ trước đến nay bà Nguyễn Thị D không tham gia Bảo hiểm và không ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N. Do đó, bà Nguyễn Thị D đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị D và Công ty TNHH N T trong thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010 vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Tháng 04/2009, do có nhu cầu tìm việc làm nên bà Nguyễn Thị H đã mượn hồ sơ cá nhân của bà Nguyễn Thị D để nộp hồ sơ xin việc. Lý do bà Nguyễn Thị H mượn hồ sơ là vì thời điểm đó bà Nguyễn Thị H chưa đủ giấy tờ tùy thân hợp lệ để làm việc tại các công ty, đồng thời bà Nguyễn Thị H được người quen giới thiệu rằng có thể nhờ hồ sơ người khác để được nhận vào làm. Sau khi nộp hồ sơ, bà Nguyễn Thị H đã nộp vào Công ty TNHH N T và được công ty này tiếp nhận làm việc và tham gia đóng bảo hiểm xã hội dưới tên "Nguyễn Thị D" từ tháng 04/2009 đến tháng 3/2010.

Trong suốt quá trình làm việc tại công ty, bà Nguyễn Thị H sử dụng tên "Nguyễn Thị D" theo hồ sơ đã mượn, công ty không yêu cầu bà Nguyễn Thị H xác minh lại danh tính thực tế. Bà H cũng không thông báo cho bà Nguyễn Thị D biết việc bà Nguyễn Thị H sử dụng hồ sơ của bà D để tham gia lao động và đóng BHXH. Bà Nguyễn Thị H xác nhận rằng, bà Nguyễn Thị D không làm việc, không ký hợp đồng lao động, tham gia BHXH tại Công ty TNHH N trong thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 3/2010. Toàn bộ quá trình làm việc và đóng BHXH dưới tên "Nguyễn Thị D" là do bà Nguyễn Thị H thực hiện.

- Bảo hiểm xã hội Cơ sở B trình bày:

Qua kiểm tra dữ liệu lưu trữ hiện có trên hệ thống của ngành BHXH, người lao động Nguyễn Thị D, sinh năm 1987, CCCD số 038187027738 có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số BHXH 7409201978, có quá trình tham gia BHXH từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010 tại Công ty TNHH N.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người yêu cầu bà Nguyễn Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H và Bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Dương - Thành phố H đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Công ty TNHH N T không chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị D là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H và Bảo hiểm xã hội Thành phố H có đơn yêu cầu giải quyết

vắng mặt. Công ty TNHH N vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Lời trình bày của bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H phù hợp với nhau, phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở L về thời gian giao kết hợp đồng lao động, thời gian bị trùng quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010. Bà D và bà H thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010, bà Nguyễn Thị H là người sử dụng thông tin của bà Nguyễn Thị D để ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH N, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7409201978. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010 không phải bà Nguyễn Thị D. Việc bà H sử dụng giấy tờ tùy thân của bà D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N T là hành vi gian dối, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động là vi phạm pháp luật và bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 (Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019).

[3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D với Công ty TNHH N theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409201978 bị vô hiệu.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994;

- Các Điều 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị D.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D với Công ty TNHH N (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409201978) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409201978 không phải là

bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1987; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, CCCD số 038187027738. Bà Nguyễn Thị D được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7409201978.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0035373 ngày 05/11/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - TP.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT,HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Thiệu Văn Kết Em